ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1185/QĐ-UBND	*Quảng Trạch, ngày 12 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch, năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 07 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 643/SNV-CCVC ngày 18/5/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch, năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ (để B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện; (đăng Website);
- Phòng Nội vụ;
- Thủ trưởng các đơn vị có liên quan;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đạt

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trạch, ngày tháng năm 2018

KẾ HOẠCH
Xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trạch, năm 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Quảng Trạch)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức, ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 ngày 14/6/ 2005; Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 29/2012NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Căn cứ Thông từ 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bội Nội vụ về sửa đổi, bổ sung điều 6, Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức;

Căn cứ Điều lệ trường Mầm non Ban hành kèm theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều lệ trường Tiểu học Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, Trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ các Thông tư liên tịch: Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non; Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT về việc Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư 05/2016/TT-BGDĐT ngày 21/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thời gian tập sự theo chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 07 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 559/SNV-CCVC ngày 08/5/2013 của Sở Nội vụ Quảng Bình về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung về tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo Quyết định số 13/2013/UBND ngày 04/7/2013 của UBND tỉnh; Công văn số 824/SNV-CCVC ngày 10/7/2013 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Công văn số 220/SNV-CCVC ngày 03/3/2016 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 759/SNV-CCVC ngày 22/5/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Công văn 1561/SNV-CCVC ngày 09/10/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc dừng thực hiện Công văn số 848/SNV-CCVC ngày 15/7/2013 của Sở Nội vụ;

Căn cứ Công văn 1561/SNV-CCVC ngày 17/10/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dẫn tạm thời cách tính thời gian công tác trong xét tuyển đặc cách viên chức ngành GD-ĐT;

Căn cứ Công văn 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc hướng dân một số nội dung về công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-SNV ngày 04/4/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc giao chỉ tiêu biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2017 cho Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND huyện Quảng Trạch về việc điều chỉnh số lượng biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2017-2018.

2. Căn cứ thực tiễn

Căn cứ đề nghị của 28 đơn vị trường học có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

Căn cứ cơ cấu vị trí việc làm, cơ cấu bộ môn của 28 đơn vị trường học có chỉ tiêu tuyển dụng (*có phụ lục 3 đính kèm*).

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

1.1 Chỉ tiêu xét tuyển đặc cách: Tổng số: **45** chỉ tiêu xét tuyển tại các trường THCS, Tiểu học, Mầm non. (*có Biểu phụ lục số 1 đính kèm*).

Trong đó:

- Khối THCS: **08** chỉ tiêu; (08 chỉ tiêu giáo viên)
- Khối Tiểu học: **20** chỉ tiêu; (20 chỉ tiêu giáo viên)
- Khối Mầm non: **17** chỉ tiêu; (15 chỉ tiêu giáo viên)

1.1.1 Chỉ tiêu xét tuyển đặc cách theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 gồm: **25** chỉ tiêu. Trong đó:

- Khối Mầm non: **13** chỉ tiêu/63 tổng chỉ tiêu;
- Khối Tiểu học: **08** chỉ tiêu/97tổng chỉ tiêu;
- Khối Trung học cơ sở: **04** chỉ tiêu/57 tổng chỉ tiêu.

1.1.2 Chỉ tiêu xét tuyển đặc cách theo Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 và Điểm b, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 gồm : **20** chỉ tiêu. Trong đó:

- Khối Mầm non: **04** chỉ tiêu/ 50 chỉ tiêu
- Khối Tiểu học: **12** chỉ tiêu/ 89 chỉ tiêu;
- Khối Trung học cơ sở: **04** chỉ tiêu/53 chỉ tiêu.

1.2. Hình thức tuyển dụng

Tuyển dụng đặc cách người có kinh nghiệm công tác theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/201; Người tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ; Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 bằng hình thức kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn trực tiếp về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

2. Vị trí việc làm cần tuyển dụng

Có chuyên ngành đào tạo và các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng theo quy định cụ thể: *(Có biểu phụ lục 02 đính kèm)*.

3. Nội dung xét tuyển đặc cách

3.1. Đối tượng

3.1.1 Người có kinh nghiệm công tác

Đối với trường hợp xét tuyển đặc cách người có kinh nghiệm công tác: Thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP và Điểm a, Khoản 1, Điều 7, Thông tư 15/2012/TT-BNV hiện đang công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển, có thời gian liên tục từ đủ 36 tháng trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3.1.2 Người tốt nghiệp đại học loại giỏi; tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ

Đối với trường hợp xét tuyển đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi; tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ: Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị

định 29/2012/NĐ-CP và Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Thông tư 15/2012/TT-BNV có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

3.2. Điều kiện, tiêu chuẩn

3.2.1 Điều kiện chung

a. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng quy định ở phụ lục 2 đính kèm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- Chấp hành sự phân công công tác của UBND huyện khi được tuyển dụng. Đáp ứng các yêu cầu khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

b. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế hành vi năng lực dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành các bản án, quyết định của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với từng vị trí việc làm cần tuyển dụng. Cụ thể quy định tại phụ lục 02 đính kèm.

a. Đối với diện đặc cách người có kinh nghiệm công tác:

- Bảo đảm các điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định 29/2012/NĐ-CP và mục 3.2.1 của Kế hoạch này.

- Bằng tốt nghiệp có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Có thời gian hợp đồng lao động làm việc tại các vị trí cần tuyển, hợp đồng giảng dạy liên tục từ đủ 36 tháng trở lên không kể thời gian tập sự, thử việc (thời gian tập sự đối với người dự tuyển dự tuyển cấp THCS là 09 tháng, cấp Tiểu học và Mầm non là 06 tháng) tại các cơ sở giáo dục, thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển. Trường hợp hợp đồng liên tục các năm học mà thời gian công tác trong năm học có gián đoạn trong các trường hợp: Thời gian nghỉ sinh theo quy định (không quá 6 tháng/lần sinh); thời gian nghỉ ốm có giấy chứng nhận điều trị nội trú của bệnh viên tuyến huyện trở lên; thời gian nghỉ hè hàng năm (không quá 03 tháng/năm có xác nhận và đề xuất bằng văn bản của Sở GD-ĐT hoặc UBND cấp huyện) thì thời gian công tác hàng năm được trừ đi thời gian đã nghỉ (nghỉ sinh, nghỉ ốm, nghỉ hè) và cộng dồn các năm thành thời gian công tác liên tục. Các trường hợp gián đoạn khác không được xem xét. Trong thời

gian hợp đồng này không vi phạm pháp luật đến mức xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b. Đối với diện đặc cách người tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sỹ, tiến sỹ trong nước và nước ngoài:

- Bảo đảm các điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định 29/2012/NĐ-CP và mục 3.2.1 của Kế hoạch này.

- Có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ ở trong nước và nước ngoài, tốt nghiệp đại học loại giỏi có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng.

Trường hợp sau khi tốt nghiệp đã có thời gian công tác thì phải công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp cần tuyển, trong thời gian công tác không vi phạm pháp luật đến mức xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian này.

Việc xác định tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc ở trình độ đại học tại các cơ sở đào tạo ở trong nước hoặc nước ngoài được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp hoặc được cơ quan có thẩm quyền quản lý về giáo dục và đào tạo xem xét, xác định.

3.2.3. Tiêu chuẩn về ngoại ngữ, tin học

+ Chứng chỉ về ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với từng chức danh nghề nghiệp vụ thể.

Trường hợp chưa đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDDT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì tạm thời sử dụng các chứng chỉ A, B, C quy đổi theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 696/SGDĐT -TCCB ngày 23/4/2018 về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ. Sau khi được tuyển dụng, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, phải tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định của chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng, bổ nhiệm trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được tuyển dụng.

+ Chứng chỉ tin học: Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Việc quy đổi chứng chỉ Tin học thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

3.3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Đơn đăng ký dự xét tuyển viên chức (theo mẫu quy định);

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật (dán ảnh 4 x 6), có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và bảng kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được kiểm định qua cục Khảo thí thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với trường hợp thí sinh tốt nghiệp bằng tiến sĩ, thạc sĩ phải nộp kèm theo bản sao bằng tốt nghiệp đại học; Đối với thí sinh tốt nghiệp bằng đại học, cao đẳng hệ liên thông thì phải nộp bản sao bằng tốt nghiệp cả hai giai đoạn và phải đúng chuyên ngành cùng bảng điểm của các văn bằng đó để tham gia dự tuyển.

- Người dự tuyển diện đặc cách có kinh nghiệm công tác theo Điểm a Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP và người tốt nghiệp đại học loại giỏi, Tiến sỹ, Thạc sỹ sau khi tốt nghiệp có thời gian công tác trong ngành hoặc lĩnh vực hoạt động nghền ghiệp cần tuyển: Nộp các bản hợp đồng lao động hàng năm; các bản tự nhận xét, đánhgiá hàng năm của người dự tuyển về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác các năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và các hình thức khen thưởng (nếu có), bản nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Bản sao chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền chứng thực thuộc đối tượng ưu tiên: Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Con thương binh; Con của người hưởng chính sách như thương binh; Người dân tộc ít người; Đội viên thanh niên xung phong; Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ; Người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự;

- Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

- Bản sao sổ bảo hiểm xã hội (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và Bản kê khai quá trình đóng BHXH được cơ quan bảo hiểm cấp và có xác nhận của cơ quan đóng bảo hiểm trực tiếp của người tham gia xét tuyển.

- Hai phong bì thư có dán tem ghi rõ địa chỉ báo tin và 02 ảnh 4x6.

Lưu ý: Toàn bộ hồ sơ để vào bì lớn. Hồ sơ không được tẩy xoá. Những hồ sơ không đúng quy định, Hội đồng tuyển dụng sẽ không tiếp nhận. Hồ sơ nộp tại Phòng Nội vụ (cơ quan tiếp nhận hồ sơ); không nhận hồ sơ qua đường bưu điện; Người dự tuyển nộp 02 bộ hồ sơ. Hồ sơ dự tuyển không trả lại và không sử dụng để thực hiện xét tuyển lần sau.

3.4. Lệ phí đăng ký dự tuyển

- Lệ phí xét tuyển: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/người.

Lệ phí xét tuyển và lệ phí phúc khảo được chi phí, quyết toán theo quy định của pháp luật.

3.5. Quy định đăng ký nguyện vọng tuyển dụng

Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký một nguyện vọng theo vị trí việc làm đã xây dựng trong Kế hoạch này. Thí sinh nào vi phạm sẽ không được dự tuyển hoặc bị hủy bỏ kết quả tuyển dụng.

3.6. Nội dung, kiến thức liên quan đến kiểm tra, sát hạch

3.6.1. Nội dung xét tuyển

- Xét kết quả học tập gồm điểm học tập toàn khoá và điểm tốt nghiệp của người dự xét tuyển;

- Kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn trực tiếp 02 nội dung: Phần kiến thức hiểu biết chung và kiến thức về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển theo vị trí việc làm cần tuyển dụng theo thang điểm 100 điểm của mỗi phần phỏng vấn.

3.6.2. Kiến thức liên quan đến kiểm tra, sát hạch

3.6.2.1 Kiến thức chung:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/ 11 / 2010;

- Luật Giáo dục của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam số 38/2005/QH12, ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12 ngày 25/11/2009; Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc hội ngày 31 tháng 12 năm 2015;

- Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Quy định về Đạo đức nhà giáo *(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

3.6.2.2 Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

a. Đối với người đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên Mầm non

- Điều lệ trường Mầm non (*Ban hành kèm theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015*);

- Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐ ngày 25/7/2009 của Bộ Giáo dục&Đào tạo Ban hành chương trình Giáo dục mầm non; Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục&Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GG&ĐT.

- Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non (*Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/ 01/ 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

b. Đối người đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên Tiểu học:

- Điều lệ trường Tiểu học *(Ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/ 01/2014);*

- Quy định đánh giá học sinh Tiểu học (*Ban hành kèm theo VBHN số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ GDĐT quy định đánh giá học sinh tiểu học).*

- Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học (*Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT ngày 04/5/2007 của Bộ trương Bộ Giáo dục&Đào tạo).*

c. Đối người đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên THCS:

- Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông, và trường Phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

- Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT (*Ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

- Quy định chuẩn nghề nghiệp Giáo viên THCS, Giáo viên trung học phổ thông (*Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

3.7. Cách tính điểm

- Điểm học tập (ĐHT) được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

- Điểm tốt nghiệp (ĐTN) được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

- Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập (ĐHT) đồng thời là điểm tốt nghiệp (ĐTN) và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

- Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

- Kết quả xét tuyển (KQXT) là tổng số điểm của điểm học tập (ĐHT), điểm tốt nghiệp (ĐTN), điểm phỏng vấn (ĐPV) đã tính theo hệ số quy định.

$$\mathbf{KQXT = ĐHT + ĐTN + ĐPV \times 2}$$

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính: $\mathbf{KQXT = ĐHT\ (ĐTN) \times 2 + ĐPV \times 2}$

3.8. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển đặc cách viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có hồ sơ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

- Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, sát hạch mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên.

- Người trúng tuyển là người có tổng điểm xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có đủ điều kiện và kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn bằng nhau thì người đứng đầu cơ

quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2, Điều 10, Nghị định 29/2012/NĐ-CP như sau:

+ Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

+ Thương binh;

+ Người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Con thương binh;

+ Con của người hưởng chính sách như thương binh;

+ Người dân tộc ít người;

+ Đội viên thanh niên xung phong;

+ Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;

+ Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;

+ Người dự tuyển là nữ.

- Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên nêu trên thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

- Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

4. Quy trình, thời gian và các bước tiến hành xét tuyển đặc cách

4.1. Quy trình xét tuyển đặc cách

4.1.1. Sau khi Kế hoạch tuyển dụng được Sở Nội vụ phê duyệt, tiếp nhận hồ sơ và lập danh sách người đủ điều kiện, tiêu chuẩn, UBND huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và Khoản 3, Điều 8, Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tham mưu xây dựng quy trình thực hiện kỳ xét tuyển trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Ban phỏng vấn, sát hạch; Tổ chuẩn bị đề, đáp án; Tổ giúp việc; ... để thực hiện các nhiệm vụ của kỳ xét tuyển.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm cần tuyển và các yêu cầu mang tính đặc thù của đơn vị sự nghiệp;

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Sát hạch thông qua phỏng vấn với các nội dung được quy định trong kế hoạch;

- Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tiến hành tổng hợp kết quả xét tuyển của người dự tuyển và dự kiến danh sách người trúng tuyển. Báo cáo Chủ tịch UBND huyện về kết quả tuyển dụng của người dự tuyển và danh sách dự kiến người trúng tuyển.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số; chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND huyện về kết quả xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4.1.2. Ban Giám sát kỳ tuyển dụng được Chủ tịch UBND huyện thành lập để giám sát tổ chức và hoạt động của Hội đồng kiểm tra, sát hạch và các Ban, Tổ của Hội đồng.

4.2. Thông báo xét tuyển và tiếp nhận hồ sơ

- Giao phòng Nội vụ phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện thông báo công khai trên báo Quảng Bình, trang thông tin điện tử của huyện Quảng Trạch tại địa chỉ ***https://quangtrach.quangbinh.gov.vn***, niêm yết công khai tại phòng Nội vụ, thông báo bằng văn bản gửi tới các đơn vị, địa có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển dụng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển.

- Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện thực hiện các quy trình, thủ tục xét tuyển đặc cách theo quy định hiện hành; phát hành và thu nhận hồ sơ người dự tuyển và bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Hội đồng Kiểm tra, sát hạch.

- Thời gian phát hành và thu nhận hồ sơ: Dự kiến tháng 7/2018 (Kể từ khi thông báo tuyển dụng) tại phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch. (Thời gian phát hành và thu nhận hồ sơ 20 ngày làm việc trong giờ hành chính).

4.3. Dự kiến lịch tổ chức xét tuyển

- Tháng 7 năm 2018: Niêm yết công khai danh sách những người đủ điều kiện dự xét tuyển tại UBND huyện Quảng Trạch, Phòng Nội vụ huyện, các phòng chuyên môn và trang thông tin điện tử của UBND huyện. Thông báo triệu tập những người đăng ký dự tuyển đến kiểm tra, sát hạch;

- Chuẩn bị địa điểm để Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc;

- Thời gian tổ chức kiểm tra, sát hạch đối với những người đăng ký dự tuyển sẽ có thông báo sau;

- Địa điểm: Tại Trường THCS Quảng Xuân.

4.4. Thông báo kết quả xét tuyển

a. Kết quả tuyển dụng: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét tuyển của Hội đồng Kiểm tra, Sát hạch, Chủ tịch UBND huyện niêm yết công khai kết quả xét tuyển tại trụ sở UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Quảng Trạch;.

b. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phúc khảo:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công bố công khai và gửi kết quả xét tuyển đến người dự tuyển theo địa chỉ ghi trên bì thư khi nộp hồ sơ dự tuyển, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả xét tuyển. Chỉ xem xét giải quyết việc phúc khảo được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan UBND huyện, không giải quyết đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời gian quy định trên (tính theo ngày trên dấu bưu điện) và đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex. Chủ tịch UBND huyện có trách nhiệm tổ chức phúc khảo lại kết quả xét tuyển trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận đơn đề nghị phúc khảo. Không thực hiện phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn hoặc thực hành. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Ban phúc khảo, không bao gồm những thành viên đã tham gia vào ban phỏng vấn, sát hạch. Ban phúc khảo chỉ xem xét lại việc tình điểm học tập, điểm tốt nghiệp là cơ sở tổng hợp kết quả xét tuyển của thí sinh.

c. Phê duyệt kết quả: Sau khi Hội đồng Kiểm tra, sát hạch tổng hợp kết quả xét tuyển và dự kiến trúng tuyển theo quy định, báo cáo kết quả trình Chủ tịch UBND huyện, phê duyệt kết quả xét tuyển.

Hoàn tất hồ sơ và có văn bản trình Sở Nội vụ thẩm định quá trình xét tuyển đặc cách, phê duyệt kết quả tuyển dụng và thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký sau khi có kết quả thẩm định của Sở Nội vụ.

5. Quyết định tuyển dụng và nhận việc

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển, UBND huyện gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký và thông báo công khai tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử của UBND huyện.

- Người trúng tuyển viên chức phải đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc theo quy định. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển bảo đảm chính xác theo quy định của pháp luật trước khi ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển viên chức.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập phát hiện người trúng tuyển viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không thực hiện việc ký kết hợp đồng làm việc và có văn bản gửi Chủ tịch UBND huyện để hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

- Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc chấm dứt hợp đồng đã ký kết theo quy định thì Chủ tịch UBND huyện quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề ở vị trí tuyển dụng đó, nếu người đó đảm bảo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch UBND huyện quyết định trúng tuyển theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 13 Nghị định 29/2012/NĐ-CP.

6. Ký kết hợp đồng làm việc

6.1. Chậm nhất sau 20 ngày làm việc, kể từ ngày công bố kết quả xét tuyển, người trúng tuyển phải đến ký hợp đồng làm việc với đơn vị được ghi trong thông báo.

6.2. Trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng làm việc được ký kết, người trúng tuyển phải đến nhận việc trừ trường hợp hợp đồng làm việc quy định thời hạn khác. Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức.

6.3. Trường hợp người trúng tuyển không đến ký hợp đồng làm việc trong thời hạn quy định tại điểm 6.1. của Mục này hoặc đến nhận việc sau thời hạn quy định tại điểm 6.2 của Mục này thì Chủ tịch UBND huyện hủy bỏ kết quả trúng

tuyển hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng đã ký kết và tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng kế tiếp.

7. Phân công và tổ chức thực hiện

7.1 Phòng Nội vụ

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức trình Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt; thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Ban Giám sát kỳ xét tuyển.
- Là cơ quan thường trực Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tham mưu giúp Hội đồng kiểm tra, sát hạch tổ chức thực hiện Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức, chịu trách nhiệm thông báo chỉ tiêu, điều kiện, lịch xét tuyển và các loại hồ sơ có liên quan, đăng ký thông báo trên thông tin đại chúng …để mọi người biết và thực hiện.
- Tổ chức phát hành và tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển. Giúp Hội đồng Kiểm tra, sát hạch thu lệ phí xét tuyển, lệ phí phúc khảo (nếu có) và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp có chỉ tiêu tuyển dụng xây dựng bộ câu hỏi giới hạn ôn tập đảm bảo theo quy định. Các cá nhân và cơ quan được giao chuẩn bị đề phỏng vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về ngân hàng đề, đáp án phỏng vấn được giao.
- Thông báo công khai những người đủ và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

7.2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp huyện nơi có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp phối hợp phòng Nội vụ, Hội đồng xét tuyển chuẩn bị câu hỏi ôn tập kiến thức chuyên ngành, đáp án và một số nội dung liên quan trong quá trình thực hiện xét tuyển.

7.3 Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp có nhu cầu xét tuyển đặc cách viên chức; Hội đồng kiểm tra, sát hạch huyện Quảng Trạch và thí sinh dự tuyển căn cứ Kế hoạch này để thực hiện.

Kế hoạch này thay cho kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 08/01/2018 của UBND huyện kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12/6/2018./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Phụ lục 01

TỔNG HỢP
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC VÀ NHU CẦU XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Tên đơn vị trực thuộc	Số lượng người làm việc được giao năm 2017	Số lượng người làm việc hiện có đến 31/12/2017	Số lượng người làm việc còn chưa tuyển dụng	Đăng ký tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng		Ghi chú
						Thi tuyển	Xét tuyển	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
I	***Khối THCS***	***103***	***90***	***13***	***8***			
1	THCS Quảng Châu	35	32	3	**1**		X	
2	THCS Quảng Xuân	44	36	8	**3**		X	
3	THCS Cảnh Hóa	24	22	2	**1**		X	
4	THCS Cảnh Dương	33	27	6	**1**		X	
5	THCS Quảng Đông	23	22	1	**1**		X	
6	THCS Phù Hóa	23	19	4	**1**		X	
II	***Khối Tiểu học***	***313***	***253***	***60***	***20***			
1	TH số 1 Quảng Châu	29	24	5	**1**		X	
2	TH số 2 Quảng Châu	26	21	5	**1**		X	
3	TH Quảng Hợp	44	37	7	**3**		X	
4	TH Quảng Tiên	27	22	5	**2**		X	
5	TH số 2 Quảng Hưng	21	18	3	**2**		X	
6	TH số 1 Quảng Xuân	38	32	6	**2**		X	
7	TH Quảng Thanh	22	15	7	**2**		X	
8	TH Quảng Đông	34	28	6	**1**		X	
9	TH Quảng Tùng	33	27	6	**2**		X	
10	TH Cảnh Dương	39	29	10	**3**		X	
11	TH Quảng Lưu	30	25	5	**1**		X	
III	***Khối Mầm non***	***324***	***276***	***48***	***17***			
1	Mầm non Quảng Liên	22	16	6	**2**		X	
2	MN Quảng Kim	25	20	5	**1**		X	
3	Mầm non Quảng Hưng	37	33	4	**1**		X	
4	Mầm non Quảng Trường	18	15	3	**1**		X	
5	Mầm non Quảng Xuân	41	38	3	**2**		X	
6	Mầm non Quảng Đông	33	29	4	**2**		X	
7	Mầm non Quảng Tùng	34	26	8	**2**		X	
8	Mầm non Quảng Phương	36	33	3	**1**		X	
9	Mầm non Quảng Lưu	32	26	6	**2**		X	
10	Mầm non Cảnh Dương	46	40	6	**2**		X	
11	Mầm non Phù Hóa	22	18	4	**1**		X	
	TổngI+II+III	***740***	***619***	***121***	***45***			

*Có 28 đơn vị đăng ký xét tuyển và **45** chỉ tiêu xét tuyển đặc cách./.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Phụ lục 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP

VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC KHỐI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO BẰNG HÌNH THỨC XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH THEO ĐIỂM a, Điểm b, KHOẢN 1, ĐIỀU 14 NGHỊ ĐỊNH 29/2012/NĐ-CP - NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch)

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
			Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4		5	6	7	9
I. Vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cần tuyển đối với người có kinh nghiệm công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển từ 3 năm trở lên theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP								
1. Khối THCS (04 chỉ tiêu)								
CS-01	GV THCS hạng III, V.07.04.12; GV THCS Hạng II, V.07.04.11	01	Giáo viên Ngữ văn	THCS Quảng Châu	Cao đẳng sư phạm Ngữ văn trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
CS-02	GV THCS Hạng II, V.07.04.11	01	Giáo viên Toán - Lý	THCS Quảng Xuân	Đại học Sư phạm Toán - Lý	B trở lên	Anh B trở lên	
CS-03	GV THCS Hạng II, V.07.04.11	01	Giáo viên Toán - Tin	THCS Cảnh Dương	Đại học Sư phạm Toán - Tin	B trở lên	Anh B trở lên	
CS-04	GV THCS Hạng II, V.07.04.11	01	Giáo viên Văn- Sử	THCS Phù Hóa	Đại học Sư phạm Văn- Sử	B trở lên	Anh B trở lên	
2. Khối Tiểu học (08 chỉ tiêu)								
TH-01	GV TH hạng III, V.07.03.08; GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Quảng Tiến	Cao đẳng sư phạm Tiếng anh trở lên; Cao đẳng Tiếng Anh trở lên, có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-02	GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội	Tiểu học số 2 Quảng Hưng	ĐH GD Tiểu học, có chứng chỉ Đoàn đội	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-03	GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Hợp	Đại học GD Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-04	GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học số 2 Quảng Châu	Đại học GD Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-05	GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học số 2 Quảng Hưng	Đại học GD Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
			Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*		*5*	*6*	*7*	*9*
TH-06	GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Cảnh Dương	Đại học GD Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-07	GV TH hạng III, V.07.03.08 hoặc GV TH hạng II, V.07.03.07	01	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học số 1 Quảng Xuân	Cao đẳng GD Tiểu học trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-08	GV TH hạng IV, V.07.03.09	01	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Lưu	Trung cấp GD Tiểu học trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
3. Khối Mầm non (13 chỉ tiêu)								
MN-01	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	01	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Liên	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-02	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	01	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Kim	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-03	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	01	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Hưng	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-04	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	02	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Lưu	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-05	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	01	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Trường	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-06	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	02	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Xuân	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-07	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	02	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Đông	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-08	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	02	Giáo viên Mầm non	Mầm non Cảnh Dương	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-09	GV MN hạng IV, V.07.02.06; hoặc GV MN hạng III, V.07.02.05; hoặc GV MN hạng II, V.07.02.04;	01	Giáo viên Mầm non	Mầm non Phù Hóa	Trung cấp sư phạm Mầm non trở lên	B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng I		25 chỉ tiêu						
II. Vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cần tuyển đối với người tốt nghiệp Đại học loại giỏi, tốt nghiệp Tiến sỹ, thạc sỹ có vị trí việc làm cần tuyển dụng theo Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Nghị định 29/2012/NĐ-CP								
I. Khối THCS (04 chỉ tiêu)								

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Ghi chú
			Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn hoặc chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	**3**	*4*		*5*	*6*	*7*	*9*
CS-05	GV THCS hạng II, V.07.04.11	**01**	Giáo viên dạy Hóa	THCS Quảng Xuân	Đại học sư phạm Hóa học	B trở lên	Anh B trở lên	
CS-06	GV THCS hạng II, V.07.04.11	**01**	Giáo viên Toán	THCS Quảng Xuân	Đại học sư phạm Toán	B trở lên	Anh B trở lên	
CS-07	GV THCS hạng II, V.07.04.11	**01**	Giáo viên Địa lý	THCS Cảnh Hóa	Đại học sư phạm Địa lý	B trở lên	Anh B trở lên	
CS-08	GV THCS hạng II, V.07.04.11	**01**	Giáo viên Ngữ văn	THCS Quảng Đông	Đại học sư phạm Ngữ văn	B trở lên	Anh B trở lên	
2. Khối Tiểu học (12 chỉ tiêu)								
TH-09	GV TH hạng II, V.07.03.07	**01**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học số 1 Quảng Xuân	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-10	GV TH hạng II, V.07.03.07	**01**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học số 1 Quảng Châu	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-11	GV TH hạng II, V.07.03.07	**01**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Tiến	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-12	GV TH hạng II, V.07.03.07	**02**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Thanh	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-13	GV TH hạng II, V.07.03.07	**01**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Đông	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-14	GV TH hạng II, V.07.03.07	**02**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Tùng	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-15	GV TH hạng II, V.07.03.07	**02**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Cảnh Dương	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
TH-16	GV TH hạng II, V.07.03.07	**02**	Giáo viên dạy tiểu học	Tiểu học Quảng Hợp	Đại học Giáo dục Tiểu học	B trở lên	Anh B trở lên	
3. Khối Mầm non (04 chỉ tiêu)								
MN-11	GV MN hạng II, V.07.02.04	**02**	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Tùng	Đại học Giáo dục Mầm non	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-12	GV MN hạng II, V.07.02.04	**01**	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Phương	Đại học Giáo dục Mầm non	B trở lên	Anh B trở lên	
MN-13	GV MN hạng II, V.07.02.04	**01**	Giáo viên Mầm non	Mầm non Quảng Liên	Đại học Giáo dục Mầm non	B trở lên	Anh B trở lên	
Cộng II		**20 chỉ tiêu**						
Tổng I+II		**45 chỉ tiêu**						

Biểu này có 45 chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng Trong đó: 25 chỉ tiêu xét tuyển theo Điểm a, Khoản 1, Điều 14, NĐ 29 và 20 chỉ tiêu xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 14, NĐ 29/2012/NĐ-CP./.